

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68** /2021/DS-ST

Ngày: 11/11/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay và góp
hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang
2. Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 214/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B2, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D – là luật sư văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp TA, xã TP, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Quốc T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp TA, xã TP, huyện BD, tỉnh Bến Tre

Chị K và anh T ủy quyền cho anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp T1, xã TB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020. Anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 22/12/2020

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung lần 1 ngày 25/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung lần 2 ngày 21/6/2021 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khai như sau:*

Do chị và chị Nguyễn Thị Lê K có mối quan hệ thông gia, em gái của chị là chị dâu của chị K. Nên chị có cho chị K tham gia chơi hụi do chị làm chủ hụi và cho chị K vay tiền nhiều lần như sau:

Về phần tiền hụi:

Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 15/9/2019 (AL) có 11 hụi viên, gồm 17 phần (trong đó có người chơi 3 phần và người chơi 5 phần), hụi có mệnh giá là 3.000.000đ/tháng, hụi tháng khui một lần vào ngày 15 hàng tháng, chị Kiều chơi 1 phần. Sau khi tham gia chơi hụi, đến kỳ khui hụi lần thứ 9 (ngày 15/4/2020 sau) thì chị Kiều được hốt hụi. Sau khi hốt hụi chị K đóng được 2 tháng hụi chết, hụi này đã mãn hụi vào ngày 15/12/2020(AL), tính đến ngày mãn hụi chị Kiều còn nợ chị 6 tháng hụi chết x 3.000.000đ = 18.000.000đ, chứng cứ là mẫu giấy ký hiệu A3 mà Tòa án đã giám định.

Dây hụi thứ 2: Hụi ngày 25/4/2020 (AL) tháng 4 trước, vì năm 2020 nhuận 2 tháng 4) hụi có mệnh giá là 3.000.000đ/phần, hụi tháng khui một lần vào ngày 25 hàng tháng, hụi có 17 phần, chị K tham gia chơi một phần. Sau khi tham gia chơi hụi thì đến kỳ khui hụi thứ 2 (tức 25/4/2020 AL sau) chị Kiều hốt hụi, sau khi hốt hụi chị Kiều đóng được 3 tháng hụi chết thì ngưng đóng hụi chết từ 25/8/2020 cho đến nay. Dây hụi này mãn vào ngày 25/7/2021 AL, dây hụi này chị K nợ chị 13 tháng x 3.000.000đ = 39.000.000đ, chứng cứ là mẫu giấy ký hiệu A3 mà Tòa án đã giám định.

Dây hụi thứ 3: Hụi ngày 25/4/2020 (tháng 4 trước vì năm 2020 nhuận 2 tháng 4) hụi có mệnh giá là 5.000.000đ/phần, hụi tháng khui một lần vào ngày 25 hàng tháng, hụi có 17 phần, chị K tham gia chơi 4 phần. Sau khi tham gia chơi hụi chị K là người hốt đầu và hốt hết 4 phần liên tục. Sau khi hốt hụi chị K đóng được 1 lần hụi chết rồi ngưng không đóng hụi chết từ 25/8/2020 cho đến nay. Dây hụi này mãn vào ngày 25/7/2021 AL, dây hụi này chị K nợ chị 13 tháng x 4 phần x 5.000.000đ = 260.000.000đ chứng cứ là tờ giấy ký hiệu A3 mà Tòa án giám định.

Tổng cộng số tiền hụi chị Kiều nợ chị là 317.000.000đ nên ngày 30/6/2020 chị K làm tờ giấy nợ chị 317.000.000đ, chị K trả được 12.000.000đ. Đó là tờ giấy được ký hiệu là A3 mà Tòa án đã giám định. Nay tôi yêu cầu chị Kiều trả tiếp số tiền hụi còn lại là 305.000.000đ.

Về phần tiền vay:

Ngoài việc tham gia chơi hụi, trong năm các năm 2018, 2019 và 2020 chị có cho chị K vay nhiều lần như sau:

Lần thứ 1: Ngày 25/01/2018(AL) chị Kiều vay 20.000.000đ

Lần thứ 2: Ngày 10/2/2018 (AL) chị Kiều vay 300.000.000đ

Lần thứ 3: Ngày 01/3/2018 (AL) chị Kiều vay 20.000.000đ

Ba lần vay này chị K nợ chị là 340.000.000đ được thể hiện tại tờ giấy ký hiệu A2 mà Tòa án đã giám định.

Lần thứ 4: Ngày 16/10/2019 (AL) chị K vay 20.000.000đ

Lần thứ 5: Ngày 01/11/2019(AL) chị K vay 70.000.000đ

Lần thứ 6: Ngày 25/11/2019(AL) chị K vay 40.000.000đ

Bà lần vay này chị K nợ chị là 130.000.000đ được thể hiện tại tờ giấy có ký hiệu A1 mà Tòa án đã giám định.

Lần thứ 7: Ngày 07/6/2020 (AL) chị K vay 570.000.000đ, chứng cứ đó là tờ giấy có ký hiệu A5 mà Tòa án đã giám định.

Lần thứ 8: Ngày 15/7/2020 vay 100.000.000đ sau đó vay thêm 60.000.000đ và 10.000.000đ. Tổng cộng là 170.000.000đ

Lần thứ 9: Ngày 28/7/2020 vay 170.000.000đ

Hai lần vay này chị K nợ là 340.000.000đ đó là tờ giấy ký hiệu A4 mà tòa án đã giám định.

Tổng số nợ đến thời điểm này chị K nợ chị là 1.685.000.000đ (Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trong đó tiền hui là 305.000.000đ, tiền vay là 1.380.000.000đ .

Ngoài yêu cầu trả số tiền trên chị còn yêu cầu chị K còn phải trả tiền lãi trên tổng số tiền vay 1.380.000.000đ từ ngày khởi kiện 29/9/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất 10%/năm theo quy định của nhà nước.

Đối với các khoản chi phí giám định mà chị đã bỏ ra chị yêu cầu phía chị K phải có nghĩa vụ trả lại cho chị theo quy định.

Việc vay mượn, chơi hui giữa chị với bà K, anh Trương Quốc T chồng bà K biết nên chị yêu cầu anh T cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cho chị.

** Tại bản tự khai ngày 21/12/2020 anh Nguyễn Thành P là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lệ K và Trương Quốc T khai như sau:*

Bà K không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, những số tiền hui và tiền vay người khác bà K phục vụ sinh hoạt gia đình và phần lớn là góp vốn giao cho bà H làm ăn và mua xe ô tô kinh doanh dịch vụ du lịch nhưng khi giao tiền do tin tưởng không làm giấy tờ. Nhưng bây giờ bà H lại yêu cầu bà K trả số tiền bà K hoàn toàn không đồng ý. Có lần do tin tưởng, bà K có ký vào tờ giấy tập có ô ly nhưng không có nội dung chỉ ký tên. Nay bà Huyền yêu cầu bà Kiều không đồng ý trả nợ. Bà H còn hung hãn chặn đường đánh bà K, sự việc này đã được bà H trình báo Công an địa phương và Công an huyện BĐ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 NQ số 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biểu, phường.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H buộc chị K và anh T liên đới trả cho chị H số tiền số tiền hội 305.000.000đ, tiền vay 1.380.000.000đ, tiền lãi trên số nợ vay 13 tháng 12 ngày với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 29/9/2020 đến ngày 11/11/2021 với số tiền lãi: 154.100.000đ và các khoản chi phí giám định mà chị Huyền bỏ ra là 2.830.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Lệ K và anh Trương Quốc T có địa chỉ tại ấp TA, xã TP, huyện BD bị chị Nguyễn Thị H khởi kiện về việc vay tiền và góp hội, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Lệ K và anh Trương Quốc T ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh P tham gia tố tụng nhưng anh Phúc có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K, anh T, anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị H xác định trong năm 2018; 2019 và 2020 do có mối quan hệ thông gia nên chị có cho chị K tham gia chơi hội do chị làm chủ hội và cho chị K vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 1.685.000.000đ (Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trong đó tiền hội là 305.000.000đ, tiền vay là 1.380.000.000đ, chứng cứ chứng minh bằng văn bản cho yêu cầu của mình chị H cung cấp cho Tòa án các tờ giấy vay viết tay được ký hiệu từ A1 đến A5. Ngược lại, người đại diện theo ủy quyền của chị Kiều và anh Toàn thì cho rằng chị K và anh Toàn không có nợ chị H. Tuy nhiên, tại bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre ngày 07/5/2021

kết luận như sau: “ chữ ký (viết) “ *Kiều*” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A4) và chữ ký “ *K*”, chữ viết “ *Nguyễn Thị Lệ K*” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký “*K*”, chữ viết “ *Nguyễn Thị Lệ K*” trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký,viết ra”. Điều đó, chứng tỏ sự việc chị K có tham gia chơi hội do chị H làm chủ hội và có mượn tiền chị H nhiều lần là có thật. Do đó, chị H yêu cầu chị K trả số tiền 1.685.000.000đ (Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trong đó tiền hội là 305.000.000đ, tiền vay là 1.380.000.000đ là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466, 471 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Ngoài yêu cầu trả số tiền vay 1.380.000.000đ chị H còn yêu cầu chị K còn phải trả khoảng tiền lãi trên tổng số tiền vay, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện (ngày 29/9/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 10%/năm. Xét thấy, yêu cầu này của chị H là có căn cứ phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Số tiền lãi chị K phải trả cho chị H được tính như sau: Từ ngày 29/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/11/2021) là 13 tháng 12 ngày: Vậy số tiền lãi được tính là: $1.380.000.000đ \times 13 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 154.100.000đ$.

[2.3] Tuy anh Trương Quốc T không trực tiếp tham gia giao dịch vay và chơi hội với chị H, nhưng anh T và chị K là vợ chồng hợp pháp, chị K vay, chơi hội để làm ăn phát triển kinh tế gia đình và phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, anh T phải có nghĩa vụ liên đới với chị K trả số tiền trên cho chị H là phù hợp với qui định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Như vậy, tổng số tiền chị Kiều và anh Toàn có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huyền là: 1.839.100.000đ. Trong đó tiền hội: 305.000.000đ, tiền vay 1.380.000.000đ, tiền lãi của số tiền vay là 154.100.000đ.

[2.4] Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã bỏ ra khoản chi phí giám định là 2.823.000đ. Các khoảng chi phí này có hóa đơn chứng từ hợp lệ. Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị K và anh T phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền trên cho chị H là có căn cứ phù hợp Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị K và anh T liên đới chịu án phí với số tiền là: $1.839.100.000đ = 36.000.000 \text{ đồng} + (1.039.100.000đ \times 3\%) = 67.173.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 35, 39, 146, 160, 161, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 16 NQ số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với chị Nguyễn Thị Lê K và anh Trương Quốc T.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Lê K và anh Trương Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.839.100.000đ (Một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu một trăm ngàn đồng). Trong đó: Tiền hui 305.000.000đ, tiền vay 1.380.000.000đ, tiền lãi 154.100.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu số tiền nêu trên chưa được chị K và anh T thi hành thì hàng tháng chị K và anh T còn phải trả lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi hành án xong.

3. Về chí phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị Lê K và anh Trương Quốc T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho chị H số tiền 2.823.000đ (hai triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng)

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị Lê K và anh Trương Quốc T liên đới nộp 67.173.000 đồng (sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị H số tiền : 25.965.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001896 ngày 06 tháng 10 năm 2020, số tiền 6.800.000đ theo biên lai thu số 0002296 ngày 25 tháng 12 năm 2020, số tiền 2.800.000đ theo biên lai thu tiền số 0000251 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Huyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Lê K và anh Trương Quốc T vắng mặt cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn

